

ĐIỂM KIỂM TRA CUỐI HỌC KỲ 1 - MÔN : HÓA 12

Mã số	Họ và tên HS	Mã đề	số câu đúng	ĐIỂM
A01-01	Lê Thị Hồng Ân	334	25	6.3
A01-02	Phạm Thị Tuyết Anh	333	27	6.8
A01-03	Ngô Nhật Anh	333	34	8.5
A01-04	Dương Tăng Gia Bảo	333	22	5.5
A01-05	Phạm Chương Đài	334	32	8
A01-06	Bùi Minh Đức	332	31	7.8
A01-07	Đinh Thị Bảo Hân	332	23	5.8
A01-08	Phạm Khánh Huyền	333	33	8.3
A01-09	Nguyễn Đức Minh Khôi	331	19	4.8
A01-10	Hỷ Vũ Gia Linh	333	32	8
A01-11	Lưu Ngọc Linh	332	32	8
A01-12	Nguyễn Hoàng Như Mai	333	32	8
A01-13	Cao Nguyễn Hà My	332	30	7.5
A01-14	Cao Ánh Trà My	331	13	3.3
A01-15	Nguyễn Lê Hoàng Mỹ	332	35	8.8
A01-16	Châu Nguyễn Phương Nam	333	29	7.3
A01-17	Đoàn Kim Nga	333	28	7
A01-18	Nguyễn Thanh Ngân	334	31	7.8
A01-19	Diệp Mỹ Ngọc	332	25	6.3
A01-20	Huỳnh Nguyễn Hiếu Nhi	334	33	8.3
A01-21	Trần Nguyễn Linh Nhu	333	31	7.8
A01-22	Hồ Phương Như	332	34	8.5
A01-23	Trang Trần Kim Oanh	334	33	8.3
A01-24	Nguyễn Vĩnh Phong	333	32	8
A01-25	Phạm Thanh Phương	332	24	6
A01-26	Trương Lê Như Quỳnh	334	27	6.8
A01-27	Nguyễn Hoàng Thiên Thanh	331	32	8
A01-28	Nguyễn Thanh Thảo	333	34	8.5
A01-29	Vy Hạ Thi	334	24	6
A01-30	Võ Ngọc Anh Thư	334	32	8
A01-31	Đào Nguyễn Thanh Thư	333	36	9
A01-32	Huỳnh Trương Đăng Thư	334	36	9
A01-33	Mai Thị Thanh Thủy	334	34	8.5
A01-34	Nguyễn Vũ Thủy Tiên	333	28	7
A01-35	Nguyễn Mỹ Ngọc Trân	331	31	7.8
A01-36	Nguyễn Thanh Trúc	334	28	7
A01-37	Nguyễn Tuấn	332	26	6.5
A01-38	Hoàng Thái Tuấn	331	28	7
A01-39	Đoàn Phương Uyên	334	36	9
A01-40	Phạm Quang Vinh	333	28	7
A01-41	Nguyễn Tiêu Đông Vũ	333	32	8
A01-42	Nguyễn Thị Tường Vy	332	30	7.5
A01-43	Phan Quang Thiện	335	15	0
A01-44				#N/A
A01-45				#N/A
A01-46				#N/A
A01-47				#N/A
A01-48				#N/A
A01-49				#N/A
A01-50				#N/A

ĐIỂM KIỂM TRA CUỐI HỌC KỲ 1 - MÔN : HÓA 12

Mã số	Họ và tên HS	Mã đề	số câu đúng	ĐIỂM
A02-01	Lê Nguyễn Hoàng Ân	333	29	7.3
A02-02	Võ Nguyễn Lan Anh	332	34	8.5
A02-03	Võ Thị Lan Anh	332	31	7.8
A02-04	Nguyễn Bùi Trâm Anh	332	36	9
A02-05	Trần Bảo Anh	331	33	8.3
A02-06	Huỳnh Thị Ngọc Ánh	334	33	8.3
A02-07	Nguyễn Ngọc Thúy Diễm	333	35	8.8
A02-08	Lê Hoàng Ngọc Diệp	333	35	8.8
A02-09	Nguyễn Lê Hạnh Dung	332	33	8.3
A02-10	Nguyễn Dương Duy Dương	322	9	2.3
A02-11	Dương Thanh Hải	333	25	6.3
A02-12	Nguyễn Triệu Bảo Hân			#N/A
A02-13	Nguyễn Thị Hoàng Hoa	333	29	7.3
A02-14	Lý Bảo Hoa	332	33	8.3
A02-15	Lê Đắc Hoan	332	36	9
A02-16	Lưu Thị Thu Hương	331	32	8
A02-17	Tô Nhật Tú Hương	331	33	8.3
A02-18	Nguyễn Đức Khải	333	36	9
A02-19	Nguyễn Hoàng Đăng Khoa	331	23	5.8
A02-20	Đăng Đăng Khoa	331	33	8.3
A02-21	Nguyễn Thị Mai Linh	332	30	7.5
A02-22	Hàn Thanh Mai	333	32	8
A02-23	Ngô Nữ Quỳnh My	331	27	6.8
A02-24	Nguyễn Huỳnh Kim Ngân	334	30	7.5
A02-25	Châu Mẫn Nghi	331	28	7
A02-26	Phạm Lê Hoài Ngọc	332	33	8.3
A02-27	Hồ Đoàn Y Nhi	334	22	5.5
A02-28	Nguyễn Thị Uyên Nhi	334	31	7.8
A02-29	Trương Thị Mộng Như	332	31	7.8
A02-30	Trần Khánh Như	332	33	8.3
A02-31	Lê Minh Nhựt	334	33	8.3
A02-32	Lý Nam Phát	333	27	6.8
A02-33	Trần Thị Mỹ Phương	332	29	7.3
A02-34	Ong Minh Quang	331	34	8.5
A02-35	Trần Ngọc Phương Quyên	331	34	8.5
A02-36	Nguyễn Thúy Quỳnh	333	30	7.5
A02-37	Lê Thị Hồng Thắm	331	34	8.5
A02-38	Bùi Thị Phương Thanh	332	34	8.5
A02-39	Lê Ngọc Hương Thảo	333	28	7
A02-40	Nguyễn Trà Anh Thư	333	28	7
A02-41	Bùi Nguyễn Minh Thư	332	32	8
A02-42	Võ Minh Thư	333	32	8
A02-43	Phạm Huỳnh Bích Thuận	334	35	8.8
A02-44	Phan Ngô Trọng Anh Tú	332	34	8.5
A02-45	Đào Thị Tường Vy	332	26	6.5
A02-46				#N/A
A02-47				#N/A
A02-48				#N/A
A02-49				#N/A
A02-50				#N/A

ĐIỂM KIỂM TRA CUỐI HỌC KỲ 1 - MÔN : HÓA 12

Mã số	Họ và tên HS	Mã đề	số câu đúng	ĐIỂM
A03-01	Nguyễn Như Kiều Anh	331	34	8.5
A03-02	Nguyễn Thị Ngọc Anh	331	27	6.8
A03-03	Chánh Hưng Bách	333	27	6.8
A03-04	Phùng Thị Ngọc Bích	331	27	6.8
A03-05	Đinh Thị Y Bình	331	29	7.3
A03-06	Trịnh Cao Cát	334	27	6.8
A03-07	Lê Thành Chương	334	32	8
A03-08	Từ Khánh Duy	331	27	6.8
A03-09	Nguyễn Thùy Dương	331	29	7.3
A03-10	Nguyễn Ngọc Thanh Hà	334	34	8.5
A03-11	Nguyễn Thị Mai Hân	332	33	8.3
A03-12	Trần Nguyễn Gia Hân	332	25	6.3
A03-13	Đặng Ngọc Hân	331	35	8.8
A03-14	Phạm Trần Mỹ Hạnh	334	36	9
A03-15	Nguyễn Vũ Mai Hạnh	334	31	7.8
A03-16	Trần Thị Thu Hiền	333	30	7.5
A03-17	Nguyễn Trần Thúy Hồng	331	34	8.5
A03-18	Võ Hoàng Lan	333	30	7.5
A03-19	Trần Quỳnh My	331	22	5.5
A03-20	Đặng Mai Bảo My	331	35	8.8
A03-21	Hồ Thị Như Ngân	334	11	2.8
A03-22	Lê Hoàng Bảo Ngọc	332	33	8.3
A03-23	Phạm Bảo Ngọc	333	27	6.8
A03-24	Nguyễn Thị Quỳnh Như	331	35	8.8
A03-25	Trịnh Mỹ Quyên	334	37	9.3
A03-26	Nguyễn Ngọc Phương Quỳnh	333	32	8
A03-27	Nguyễn Mỹ Quỳnh	333	29	7.3
A03-28	Đỗ Thị Trúc Quỳnh	332	33	8.3
A03-29	Phún Sín Thái	331	25	6.3
A03-30	Đặng Ngọc Thanh	332	27	6.8
A03-31	Nguyễn Thị Thanh Thảo	333	26	6.5
A03-32	Nguyễn Huỳnh Hoàng Thiện	334	33	8.3
A03-33	Nguyễn Ngọc Minh Thư	332	31	7.8
A03-34	Trần Phạm Minh Trang	332	32	8
A03-35	Hoàng Bảo Trang	332	32	8
A03-36	Nguyễn Ngọc Trinh	331	31	7.8
A03-37	Phạm Thị Hồng Trinh	331	30	7.5
A03-38	Nguyễn Hữu Trọng	334	22	5.5
A03-39	Đỗ Thanh Trúc	333	29	7.3
A03-40	Nguyễn Thị Thanh Trúc	333	34	8.5
A03-41	Nguyễn Song Cát Tường	331	28	7
A03-42	Võ Thị Anh Vy	332	29	7.3
A03-43	Lê Tường Vy	331	33	8.3
A03-44	Nguyễn Trần Tường Vy	331	33	8.3
A03-45	Trần Cẩm Vy	331	30	7.5
A03-46				#N/A
A03-47				#N/A
A03-48				#N/A
A03-49				#N/A
A03-50				#N/A

ĐIỂM KIỂM TRA CUỐI HỌC KỲ 1 - MÔN : HÓA 12

Mã số	Họ và tên HS	Mã đề	số câu đúng	ĐIỂM
A04-01	Trần Văn An	334	36	9
A04-02	Hoàng Minh Anh	334	28	7
A04-03	Nguyễn Thành Thái Bảo	332	36	9
A04-04	Cao Danh Bảo	332	30	7.5
A04-05	Trần Thị Mỹ Duyên	334	32	8
A04-06	Chống Hiếu Duyên	334	36	9
A04-07	Ma Trần Hồng Hạnh	331	28	7
A04-08	Dương Ngọc Mỹ Hạnh	331	34	8.5
A04-09	Lê Trung Hoa	322	14	3.5
A04-10	Trần Vũ Quỳnh Hương	334	29	7.3
A04-11	Hồng Huỳnh Gia Huy	334	13	3.3
A04-12	Nguyễn Đức Gia Huy	334	33	8.3
A04-13	Trần Hoàng Gia Huy	333	22	5.5
A04-14	Mai Văn Khanh	332	33	8.3
A04-15	Nguyễn Hồng Gia Kiệt	334	24	6
A04-16	Nguyễn Phúc Thiên Kim	334	27	6.8
A04-17	Đinh Bảo Lâm	333	35	8.8
A04-18	Nguyễn Phan Thùy Linh	332	31	7.8
A04-19	Lê Thủy Linh	331	38	9.5
A04-20	Nguyễn Cát Lợi	334	29	7.3
A04-21	Nguyễn Thị Xuân Mai	333	33	8.3
A04-22	Lâm Hà Mi	332	35	8.8
A04-23	Nguyễn Thị Trà My	331	31	7.8
A04-24	Nguyễn Thị Trà My	331	32	8
A04-25	Vũ Ngọc Trà My	332	32	8
A04-26	Nguyễn Hoài Nam	333	28	7
A04-27	Đoàn Ngọc Thu Ngân	331	25	6.3
A04-28	Lâm Ái Ngọc	333	35	8.8
A04-29	Nguyễn Gia Cẩm Nguyên	333	31	7.8
A04-30	Trần Xuân Nguyệt	334	34	8.5
A04-31	Phan Ngọc Yến Nhi	334	33	8.3
A04-32	Bùi Uyển Nhi	334	35	8.8
A04-33	Vòng Mỹ Như	331	29	7.3
A04-34	Lê Kim Oanh	334	31	7.8
A04-35	Nguyễn Tân Phú	333	27	6.8
A04-36	Vũ Hoàng Phúc	332	20	5
A04-37	Huỳnh Đỗ Trung Quân	331	32	8
A04-38	Võ Ngọc Mỹ Tâm	331	29	7.3
A04-39	Phan Thị Minh Thư	331	32	8
A04-40	Nguyễn Như Thanh Thủy	332	33	8.3
A04-41	Lê Thùy Tiên	333	32	8
A04-42	Phan Thị Uyên	334	32	8
A04-43	Mai Trần Khánh Vy	331	24	6
A04-44	Nguyễn Phi Yến	331	32	8
A04-45	Trần Hải Yến	333	34	8.5
A04-46				#N/A
A04-47				#N/A
A04-48				#N/A
A04-49				#N/A
A04-50				#N/A

ĐIỂM KIỂM TRA CUỐI HỌC KỲ 1 - MÔN : HÓA 12

Mã số	Họ và tên HS	Mã đề	số câu đúng	ĐIỂM
A05-01	Nguyễn Văn An	324	18	4.5
A05-02	Huỳnh Quế Anh	322	24	6
A05-03	Lê Trọng Anh	322	38	9.5
A05-04	Hồ Đức Anh	322	15	3.8
A05-05	Nguyễn Hoài Bảo	321	22	5.5
A05-06	Nguyễn Thị Kiều Dung	324	16	4
A05-07	Đinh Nguyễn Xuân Dung	324	34	8.5
A05-08	Nguyễn Hồ Trường Hải	321	27	6.8
A05-09	Huỳnh Trần Thanh Hằng	323	17	4.3
A05-10	Quan Cần Hiền	321	28	7
A05-11	Lâm Xuân Hiếu	323	32	8
A05-12	Chế Gia Huy	323	22	5.5
A05-13	Trần Nhật Huy	322	33	8.3
A05-14	Võ Bá Huy	322	22	5.5
A05-15	Trần Duy Khải	324	31	7.8
A05-16	Trương Minh Khải	324	23	5.8
A05-17	Phạm Chu Chí Khang	321	31	7.8
A05-18	Phạm Trung Kiên	324	28	7
A05-19	Trần Vĩ Kiệt	323	28	7
A05-20	Nguyễn Thị Diệu Linh	323	33	8.3
A05-21	Mai Tấn Lộc	323	12	3
A05-22	Ngô Quang Lộc	322	20	5
A05-23	Nguyễn Hoàng Long	324	26	6.5
A05-24	Nguyễn Trần Xuân Mai	324	30	7.5
A05-25	Lê Trọng Nghĩa	322	20	5
A05-26	Nguyễn Thái Bảo Ngọc	321	32	8
A05-27	Trần Minh Ngọc	324	33	8.3
A05-28	Nguyễn Bá Nhân	321	30	7.5
A05-29	Đỗ Thiện Nhân	321	21	5.3
A05-30	Nguyễn Đặng Thị Phương Nhung	322	19	4.8
A05-31	Lê Đình Tấn Phát	321	23	5.8
A05-32	Đào Thành Phát	324	31	7.8
A05-33	Đào Huỳnh Trọng Phúc	321	18	4.5
A05-34	Phan Vũ Minh Quân	324	19	4.8
A05-35	Trần Thái Sơn	321	32	8
A05-36	Huỳnh Nhật Tân	323	22	5.5
A05-37	Lâm Thiên Tân			0
A05-38	Phạm Hà Thái Thiên	321	19	4.8
A05-39	Đỗ Khải Minh Thư	324	4	1
A05-40	Trương Văn Minh Thức	321	33	8.3
A05-41	Nguyễn Văn Tiến	322	34	8.5
A05-42	Nguyễn Thị Thu Trang	324	29	7.3
A05-43	Đỗ Ngọc Đoan Trang	323	18	4.5
A05-44	Nguyễn Nhật Trường	324	17	4.3
A05-45	Đoàn Huỳnh Minh Vy	322	31	7.8
A05-46	Lê Hoàng Vỹ	323	14	3.5
A05-47				#N/A
A05-48				#N/A
A05-49				#N/A
A05-50				#N/A

ĐIỂM KIỂM TRA CUỐI HỌC KỲ 1 - MÔN : HÓA 12

Mã số	Họ và tên HS	Mã đề	số câu đúng	ĐIỂM
A06-01	Võ Mỹ Kim Anh	321	24	6
A06-02	Đỗ Mai Anh	321	33	8.3
A06-03	Đoàn Ngọc Bảo	321	21	5.3
A06-04	Trần Châu Hoàn Bình	321	31	7.8
A06-05	Nguyễn Minh Châu	321	25	6.3
A06-06	Trương Anh Duy	322	18	4.5
A06-07	Phạm Lê Hạnh Duyên	322	17	4.3
A06-08	Diệp Thành Đạt	321	28	7
A06-09	Nguyễn Dương Đông	322	20	5
A06-10	Phạm Ngọc Quỳnh Giao	324	34	8.5
A06-11	Phan Thị Thu Hà	324	28	7
A06-12	Hồ Long Hải	321	26	6.5
A06-13	Ngô Ngọc Hân	322	26	6.5
A06-14	Lê Quang Nhật Hoàng	324	16	4
A06-15	Phạm Minh Hùng	322	32	8
A06-16	Phạm Mai Hương	321	24	6
A06-17	Lại Phước Huy	322	34	8.5
A06-18	Chu Thị Kim Lắm	324	35	8.8
A06-19	Lê Vũ Thủy Linh	322	29	7.3
A06-20	Đỗ Nguyễn Ngọc Linh	322	12	3
A06-21	Lê Hoàng Linh	322	19	4.8
A06-22	Trần Tăng Lộc	322	17	4.3
A06-23	Trần Đức Long	324	13	3.3
A06-24	Nguyễn Viết Bảo Minh	321	25	6.3
A06-25	Huỳnh Lê Nhật Minh	321	26	6.5
A06-26	Phạm Thành Nam	321	30	7.5
A06-27	Lê Nguyễn Tuyết Nhi	322	30	7.5
A06-28	Hồ Gia Như	324	30	7.5
A06-29	Ngô Nhật Ninh	322	18	4.5
A06-30	Phan Phước Phú	322	14	3.5
A06-31	Trần Thanh Phương	322	27	6.8
A06-32	Hồ Ngọc Thanh Phương	321	25	6.3
A06-33	Trần Thủy Quỳnh	324	26	6.5
A06-34	Nguyễn Đào Như Quỳnh	324	25	6.3
A06-35	Trần Phạm Phương Quỳnh	323	23	5.8
A06-36	Vũ Nguyễn Thanh Sang	321	21	5.3
A06-37	Đoàn Quyết Thắng	321	24	6
A06-38	Phạm Công Thành	324	29	7.3
A06-39	Hoàng Ngọc Anh Thư	324	29	7.3
A06-40	Lê Huỳnh Thanh Thủy	321	25	6.3
A06-41	Vũ Đoàn Mai Trang	323	33	8.3
A06-42	Đỗ Thị Đoàn Trang	323	32	8
A06-43	Đỗ Thị Thùy Trang	322	33	8.3
A06-44	Phạm Anh Tuấn	322	15	3.8
A06-45	Hồ Bách Việt	321	18	4.5
A06-46	Trần Phạm Thiên Vương	323	15	3.8
A06-47				#N/A
A06-48				#N/A
A06-49				#N/A
A06-50				#N/A

ĐIỂM KIỂM TRA CUỐI HỌC KỲ 1 - MÔN : HÓA 12

Mã số	Họ và tên HS	Mã đề	số câu đúng	ĐIỂM
A07-01	Trương Nguyễn Thiên An	324	29	7.3
A07-02	Ngô Gia Ân	323	16	4
A07-03	Trần Quốc Anh	321	36	9
A07-04	Dư Hoàng Bảo	324	30	7.5
A07-05	Nguyễn Tường Thái Cường	323	35	8.8
A07-06	Võ Kim Kỳ Duyên	323	29	7.3
A07-07	Phạm Hoàng Thủy Đan	322	28	7
A07-08	Nguyễn Duy Đông	323	27	6.8
A07-09	Nguyễn Hoàng Giang	323	20	5
A07-10	Nguyễn Ngọc Hà	324	33	8.3
A07-11	Trần Đức Phúc Hậu	321	29	7.3
A07-12	Ngô Minh Hiền	321	26	6.5
A07-13	Trần Ngọc Hiền	322	26	6.5
A07-14	Ngô Quang Hưởng	323	29	7.3
A07-15	Đoàn Gia Huy	321	15	3.8
A07-16	Nguyễn Hoàng Triều Huy	321	31	7.8
A07-17	Đoàn Văn Kiều	321	20	5
A07-18	Lê Gia Lạc	324	36	9
A07-19	Trần Hoàng Khánh Linh	321	25	6.3
A07-20	Nguyễn Bảo Long	324	30	7.5
A07-21	Lê Phước Hoàng Minh	321	20	5
A07-22	Trần Công Anh Minh	324	20	5
A07-23	Nguyễn Hiếu Ngân	324	31	7.8
A07-24	Phạm Hoàng Bảo Ngọc	324	33	8.3
A07-25	Nguyễn Thị Thùy Nguyên			#N/A
A07-26	Tô Ngọc Yến Nhi	322	27	6.8
A07-27	Trần Hoàng Tuyết Nhi	321	35	8.8
A07-28	Nguyễn Bình Thục Nhiên	324	24	6
A07-29	Đào Thế Phong	323	15	3.8
A07-30	Nguyễn Hoài Phước	323	25	6.3
A07-31	Hồ Ngọc Uyên Phương	321	32	8
A07-32	Phạm Hoàng Quân	324	33	8.3
A07-33	Trương Gia Quý	321	39	9.8
A07-34	Nguyễn Thanh Tân	322	33	8.3
A07-35	Đồng Nguyễn Đức Thành	324	29	7.3
A07-36	Nguyễn Ngọc Thảo	323	23	5.8
A07-37	Nguyễn Tấn Thọ	321	12	3
A07-38	Nguyễn Phước Trung	322	25	6.3
A07-39	Đỗ Thành Tú	323	31	7.8
A07-40	Trần Anh Tuấn	321	21	5.3
A07-41	Lâm Thị Thanh Tuyền	323	29	7.3
A07-42	Đoàn Nguyễn Thanh Uyên	322	33	8.3
A07-43	Phạm Nguyễn Gia Uyên	322	38	9.5
A07-44	La Văn Vũ	323	35	8.8
A07-45	Nguyễn Trần Bảo Vy	322	15	3.8
A07-46				#N/A
A07-47				#N/A
A07-48				#N/A
A07-49				#N/A
A07-50				#N/A

ĐIỂM KIỂM TRA CUỐI HỌC KỲ 1 - MÔN : HÓA 12

Mã số	Họ và tên HS	Mã đề	số câu đúng	ĐIỂM
A08-01	Nguyễn Xuân An	324	19	4.8
A08-02	Nguyễn Ngọc Huyền Anh	324	22	5.5
A08-03	Trần Tuấn Anh	324	27	6.8
A08-04	Phan Quốc Anh	324	16	4
A08-05	Đinh Gia Bảo	324	22	5.5
A08-06	Dương Thị Chung	323	18	4.5
A08-07	Huỳnh Tuấn Duy	322	34	8.5
A08-08	Lê Hữu Hải Đăng	322	29	7.3
A08-09	Trần Phúc Đức	323	28	7
A08-10	Bùi Thị Phượng Hằng	324	31	7.8
A08-11	Nguyễn Thị Thúy Hằng	324	19	4.8
A08-12	Nguyễn Ngọc Hiếu	323	27	6.8
A08-13	Nguyễn Việt Huy	321	22	5.5
A08-14	Mai Tuấn Huy	321	31	7.8
A08-15	Bùi Phạm Gia Huy	321	30	7.5
A08-16	Cao Minh Khoa	323	29	7.3
A08-17	Hồ Minh Khôi	324	36	9
A08-18	Dương Mạnh Kiên	323	11	2.8
A08-19	Nguyễn Văn Kiệt	322	24	6
A08-20	Nguyễn Thị Thuỳ Linh	321	21	5.3
A08-21	Nguyễn Hà Linh	321	25	6.3
A08-22	Nguyễn Thị Kim Loan	323	27	6.8
A08-23	Phạm Đăng Hải Minh	324	24	6
A08-24	Võ Hà My	322	31	7.8
A08-25	Phạm Thị Kim Ngân	324	34	8.5
A08-26	Nguyễn Trần Huỳnh Như	323	36	9
A08-27	Mai Thanh Thiên Phú	322	21	5.3
A08-28	Đỗ Quang Phước	322	25	6.3
A08-29	Trần Đức Tài	324	26	6.5
A08-30	Nguyễn Thanh Tân	322	21	5.3
A08-31	Đỗ Tân Thạch	322	16	4
A08-32	Phạm Minh Thiện	324	32	8
A08-33	Hồ Bảo Thịnh	324	15	3.8
A08-34	Nguyễn Quang Thịnh	323	26	6.5
A08-35	Trần Anh Thịnh	323	28	7
A08-36	Hồ Ngọc Anh Thư	324	29	7.3
A08-37	Mai Thị Minh Thư	323	33	8.3
A08-38	Trần Huỳnh Anh Thy	324	36	9
A08-39	Nguyễn Trọng Tín	322	22	5.5
A08-40	Đỗ Thị Thùy Trang	322	27	6.8
A08-41	Phạm Nguyễn Minh Trí	321	27	6.8
A08-42	Võ Văn Trình	323	32	8
A08-43	Nguyễn Đức Trung	322	20	5
A08-44	Nguyễn Anh Tú	323	14	3.5
A08-45	Dương Nguyễn Yên Vy	322	24	6
A08-46	Trần Yến Vy	321	20	5
A08-47				#N/A
A08-48				#N/A
A08-49				#N/A
A08-50				#N/A

ĐIỂM KIỂM TRA CUỐI HỌC KỲ 1 - MÔN : HÓA 12

Mã số	Họ và tên HS	Mã đề	số câu đúng	ĐIỂM
A09-01	Hoàng Ngọc Tú Anh	323	20	5
A09-02	Nguyễn Minh Anh	323	23	5.8
A09-03	Tô Hồng Anh			#N/A
A09-04	Đinh Hoàng Gia Minh Chính	324	18	4.5
A09-05	Đỗ Thế Thành Danh	322	16	4
A09-06	Nguyễn Đức Hải	321	37	9.3
A09-07	Liệu Gia Hân	323	19	4.8
A09-08	Lê Phạm Ngọc Hiền	322	23	5.8
A09-09	Đỗ Thuý Hồng	323	29	7.3
A09-10	Nguyễn Viết An Huy	321	29	7.3
A09-11	Trần Nhật Huy	322	24	6
A09-12	Phạm Trần Gia Huy	322	32	8
A09-13	Bùi Tuấn Khanh	321	13	3.3
A09-14	Cao Nguyễn Tuấn Khoa	323	31	7.8
A09-15	Nguyễn Đăng Khoa	323	29	7.3
A09-16	Huỳnh Hoàng Anh Khoa	324	22	5.5
A09-17	Trương Minh Khôi	324	17	4.3
A09-18	Nguyễn Thúy Kiều	321	25	6.3
A09-19	Võng Y Lê	323	36	9
A09-20	Phạm Hải Long	323	34	8.5
A09-21	Đặng Nguyễn Hoàng Mai	324	25	6.3
A09-22	Nguyễn Lê Nhật Minh	324	15	3.8
A09-23	Nguyễn Thành Minh	323	21	5.3
A09-24	Nguyễn Ngọc My Na	322	18	4.5
A09-25	Nguyễn Nam	321	30	7.5
A09-26	Trần Thị Tuyết Ngọc	324	35	8.8
A09-27	Lê Thị Bảo Ngọc	323	18	4.5
A09-28	Đào Minh Nhật	323	15	3.8
A09-29	Nguyễn Ngọc Nhi	321	14	3.5
A09-30	Phạm Ngọc Tuyết Nhi	321	32	8
A09-31	Tạ Thành Phát	324	35	8.8
A09-32	Đào Minh Phúc	321	24	6
A09-33	Đoàn Thị Trúc Phương	321	28	7
A09-34	Nguyễn Mạnh Anh Quân	323	17	4.3
A09-35	Trần Nguyễn Ngọc Quyên	324	18	4.5
A09-36	Trần Nhật Quỳnh	323	32	8
A09-37	Nguyễn Toàn Thắng	321	31	7.8
A09-38	Lê Tiểu Minh Thư	323	31	7.8
A09-39	Nguyễn Ngọc Huỳnh Toàn	321	21	5.3
A09-40	Huỳnh Thị Bích Trâm	321	25	6.3
A09-41	Nguyễn Thành Trung	321	22	5.5
A09-42	Nguyễn Ngọc Anh Tuấn	321	27	6.8
A09-43	Đoàn Anh Tuấn	321	37	9.3
A09-44	Bùi Hoàng Anh Tuấn	324	11	2.8
A09-45	Phạm Trường Vĩnh	324	29	7.3
A09-46				#N/A
A09-47				#N/A
A09-48				#N/A
A09-49				#N/A
A09-50				#N/A

ĐIỂM KIỂM TRA CUỐI HỌC KỲ 1 - MÔN : HÓA 12

Mã số	Họ và tên HS	Mã đề	số câu đúng	ĐIỂM
A10-01	Vũ Ngọc Trâm Anh	323	39	9.8
A10-02	Vũ Thị Kim Anh	322	35	8.8
A10-03	Hà Gia Bảo	324	31	7.8
A10-04	Trần Gia Bảo	323	22	5.5
A10-05	Nguyễn Thị Ngọc Bích			0
A10-06	Lê Hồng Bảo Châu	324	27	6.8
A10-07	Trần Việt Đông	323	28	7
A10-08	Lê Như Trường Hải	322	37	9.3
A10-09	Võ Nguyễn Chí Hiếu	323	26	6.5
A10-10	Nguyễn Huy Hoàng	324	37	9.3
A10-11	Lê Trinh Tú Hương	324	34	8.5
A10-12	Trần Quốc Khang	321	36	9
A10-13	Nguyễn Anh Kiệt	322	29	7.3
A10-14	Nguyễn Thanh Phú Kiều	321	34	8.5
A10-15	Đỗ Phương Linh	324	35	8.8
A10-16	Võ Ngọc Thanh Long	323	32	8
A10-17	Mai Nhật Long	323	31	7.8
A10-18	Phạm Hoàng Long	322	24	6
A10-19	Nguyễn Thị Khánh Ly	321	18	4.5
A10-20	Phạm Văn Mạnh	322	36	9
A10-21	Lê Phạm Gia Nghi	323	34	8.5
A10-22	Nguyễn Ngọc Nhân	321	25	6.3
A10-23	Nguyễn Thị Tuyết Như	323	29	7.3
A10-24	Lê Hoàng Oanh	321	31	7.8
A10-25	Nguyễn Minh Quân	323	32	8
A10-26	Võ Đức Phương Quỳnh	323	29	7.3
A10-27	Lê Diễm Quỳnh	322	16	4
A10-28	Hồ Thị Thanh Thảo	322	35	8.8
A10-29	Lê Thị Thảo	322	39	9.8
A10-30	Võ Minh Thơ	322	34	8.5
A10-31	Lữ Phan Đoàn Thư	323	35	8.8
A10-32	Phan Thương Thương	321	35	8.8
A10-33	Đặng Thị Bảo Trân	324	37	9.3
A10-34	Nguyễn Thị Minh Trang	322	37	9.3
A10-35	Đặng Hoàng Thiên Trang	321	36	9
A10-36	Trần Thanh Trí	324	37	9.3
A10-37	Nguyễn Đức Trung	321	23	5.8
A10-38	Trần Thanh Tùng	324	22	5.5
A10-39	Nguyễn Thanh Vy	321	17	4.3
A10-40	Mai Nhật Phương Vy	321	28	7
A10-41				#N/A
A10-42				#N/A
A10-43				#N/A
A10-44				#N/A
A10-45				#N/A
A10-46				#N/A
A10-47				#N/A
A10-48				#N/A
A10-49				#N/A
A10-50				#N/A

ĐIỂM KIỂM TRA CUỐI HỌC KỲ 1 - MÔN : HÓA 12

Mã số	Họ và tên HS	Mã đề	số câu đúng	ĐIỂM
A11-01	Dương Lê Nhật Anh	322	35	8.8
A11-02	Nguyễn Lý Văn Bằng	321	27	6.8
A11-03	Hồ Quốc Bảo	323	34	8.5
A11-04	Nguyễn Thanh Hải	322	34	8.5
A11-05	Phạm Nguyễn Gia Hân	323	20	5
A11-06	Trần Minh Hiếu	324	38	9.5
A11-07	Nguyễn Đức Hòa	324	31	7.8
A11-08	Đào Nguyễn Tuấn Hoàng	324	25	6.3
A11-09	Bùi Hữu Hưởng	323	24	6
A11-10	Phạm Đoàn Gia Huy	322	15	3.8
A11-11	Nguyễn Châu Nhật Khánh	322	34	8.5
A11-12	Trương Gia Khiêm	322	21	5.3
A11-13	Phạm Trịnh Quỳnh Mai	324	25	6.3
A11-14	Lý Ngọc Mai	323	34	8.5
A11-15	Lê Vũ Quế Minh	323	31	7.8
A11-16	Nguyễn Trần Thanh Ngân	324	31	7.8
A11-17	Nguyễn Trọng Nghĩa	322	27	6.8
A11-18	Trần Phạm Trọng Nhân	322	34	8.5
A11-19	Lưu Tùng Nhân	324	31	7.8
A11-20	Huỳnh Trần Yến Nhi	324	20	5
A11-21	Lưu Tấn Phong	323	33	8.3
A11-22	Trần Hưng Phú	321	18	4.5
A11-23	Liu Lý Phún	324	31	7.8
A11-24	Phạm Tả Quân	323	32	8
A11-25	Trần Hồng Quân	322	38	9.5
A11-26	Nguyễn Phạm Trung Quân	322	37	9.3
A11-27	Phan Trần Đức Tài	324	30	7.5
A11-28	Lữ Ngọc Thảo	322	31	7.8
A11-29	Nguyễn Duy Thông	321	29	7.3
A11-30	Nguyễn Ngọc Minh Thư	322	23	5.8
A11-31	Phạm Thị Thu Tiên	324	36	9
A11-32	Bùi Ngọc Bảo Tiên	323	29	7.3
A11-33	Nguyễn Phạm Mỹ Tiên	323	30	7.5
A11-34	Nguyễn Thị Mỹ Trinh	323	25	6.3
A11-35	Nguyễn Đức Trọng	322	34	8.5
A11-36	Đoàn Ngọc Trung	321	32	8
A11-37	Nguyễn Công Tuyển	323	33	8.3
A11-38	Nguyễn Hoàng Như Uyên	322	26	6.5
A11-39	Trần Quốc Vinh	324	36	9
A11-40	Nguyễn Quốc Vương	323	21	5.3
A11-41	Nguyễn Đình Thảo Vy	321	34	8.5
A11-42	Nguyễn Hoàng Hải Vy	324	29	7.3
A11-43				#N/A
A11-44				#N/A
A11-45				#N/A
A11-46				#N/A
A11-47				#N/A
A11-48				#N/A
A11-49				#N/A
A11-50				#N/A

ĐIỂM KIỂM TRA CUỐI HỌC KỲ 1 - MÔN : HÓA 12

Mã số	Họ và tên HS	Mã đề	số câu đúng	ĐIỂM
A12-01	Giang Gia Bảo	323	37	9.3
A12-02	Đặng Thị Xuân Diệu	321	39	9.8
A12-03	Đỗ Thị Thùy Dương	321	32	8
A12-04	Nguyễn Ngọc Đạo	321	29	7.3
A12-05	Lê Hương Giang	323	34	8.5
A12-06	Trần Văn Hoàng	324	38	9.5
A12-07	Lê Khánh Hoàng	323	35	8.8
A12-08	Nguyễn Phi Hùng	322	34	8.5
A12-09	Nguyễn Duy Hưng	322	33	8.3
A12-10	Lý Đức Hưng	321	40	10
A12-11	Nguyễn Phan Hữu Khanh	322	32	8
A12-12	Trần Trung Kiên	323	32	8
A12-13	Phạm Đình Trúc Linh	324	34	8.5
A12-14	Trần Thị Thu Loan	323	37	9.3
A12-15	Lê Tấn Lộc	322	34	8.5
A12-16	Bùi Hữu Lộc	321	37	9.3
A12-17	Trần Trung Lộc	321	35	8.8
A12-18	Lê Đỗ Ngọc Mẫn	322	29	7.3
A12-19	Nguyễn Hoàn Kim Ngân	323	31	7.8
A12-20	Bùi Mạnh Nghĩa	322	33	8.3
A12-21	Nguyễn Vũ Phụng	323	39	9.8
A12-22	Trần Nhật Quang	322	29	7.3
A12-23	Lương Như Quỳnh	322	35	8.8
A12-24	Phạm Văn Tài	323	36	9
A12-25	Hồ Nguyễn Minh Thắng	321	32	8
A12-26	Trần Đan Thanh	324	33	8.3
A12-27	Ma Minh Thành	323	31	7.8
A12-28	Nguyễn Lê Phương Thảo	321	35	8.8
A12-29	Trần Thị Thanh Thảo	321	30	7.5
A12-30	Võ Mai Trang Thơ	322	31	7.8
A12-31	Nguyễn Huỳnh Anh Thư	322	34	8.5
A12-32	Lê Minh Tiến	322	36	9
A12-33	Trần Ngọc Trâm	321	39	9.8
A12-34	Bùi Thị Ngọc Trang	321	39	9.8
A12-35	Huỳnh Minh Trí	324	34	8.5
A12-36	Hoàng Văn Lê Trí	324	33	8.3
A12-37	Nguyễn Thái Tú	323	30	7.5
A12-38	Trịnh Đình Tuấn	324	35	8.8
A12-39	Nguyễn Thị Kim Tuyền	323	35	8.8
A12-40	Ngô Thanh Vân	321	37	9.3
A12-41	Võ Quang Vinh	324	33	8.3
A12-42	Ngô Thị Yến Vy	322	36	9
A12-43				#N/A
A12-44				#N/A
A12-45				#N/A
A12-46				#N/A
A12-47				#N/A
A12-48				#N/A
A12-49				#N/A
A12-50				#N/A

ĐIỂM KIỂM TRA CUỐI HỌC KỲ 1 - MÔN : HÓA 12

Mã số	Họ và tên HS	Mã đề	số câu đúng	ĐIỂM
A13-01	Lê Trúc Ân	323	14	3.5
A13-02	Trương Trần Bảo Châu	324	34	8.5
A13-03	Nguyễn Hoàng Tuấn Đạt	321	26	6.5
A13-04	Nguyễn Võ Thái Định	322	24	6
A13-05	Đoàn Phan Tài Đức	324	32	8
A13-06	Trần Huy Hoàng	323	18	4.5
A13-07	Lê Minh Hưng	321	28	7
A13-08	Vũ Thị Ngọc Hương	324	25	6.3
A13-09	Phạm Nhật Huy	323	20	5
A13-10	Phạm Vũ Minh Huy	323	18	4.5
A13-11	Lâm Nguyễn An Khôi	324	25	6.3
A13-12	Lâm Nguyễn Huy Khôi	324	28	7
A13-13	Hồ Anh Kiệt	322	20	5
A13-14	Lê Đình Lân	323	17	4.3
A13-15	Nguyễn Thành Long	322	27	6.8
A13-16	Trần Hiếu Long	322	19	4.8
A13-17	Dương Gia Luân	321	14	3.5
A13-18	Nguyễn Lâm Hoàng Luân	321	30	7.5
A13-19	Huỳnh Bạch Mai	323	24	6
A13-20	Hà Trần My Na	322	20	5
A13-21	Bùi Duy Nghiêm	321	22	5.5
A13-22	Nguyễn Bảo Ngọc	323	18	4.5
A13-23	Trần Nguyễn Xuân Nguyệt	322	27	6.8
A13-24	Nguyễn Thị Xuân Như	323	31	7.8
A13-25	Nguyễn Văn Phát	324	21	5.3
A13-26	Huỳnh Văn Phát	323	16	4
A13-27	Võ Hoàng Phong	322	29	7.3
A13-28	Nguyễn Việt Phúc	324	32	8
A13-29	Nguyễn Hoàng Hồng Phúc	324	22	5.5
A13-30	Nguyễn Hoàng Quế Phụng	323	30	7.5
A13-31	Tổng Thiên Phước	322	21	5.3
A13-32	Võ Nhật Phương	324	17	4.3
A13-33	Vương Hưng Quang	321	22	5.5
A13-34	Huỳnh Ngọc Sơn	321	16	4
A13-35	Lương Hữu Thành	323	22	5.5
A13-36	Nguyễn Duy Thịnh	323	17	4.3
A13-37	Nguyễn Anh Thư	322	27	6.8
A13-38	Hồ Thị Thủy Tiên	323	32	8
A13-39	Nguyễn Hiếu Trung	324	24	6
A13-40	Nguyễn Đức Trung	324	27	6.8
A13-41	Hồ Lê Anh Tú	322	26	6.5
A13-42	Hà Cao Văn	321	19	4.8
A13-43	Lê Trần Hoàng Yến	321	21	5.3
A13-44				#N/A
A13-45				#N/A
A13-46				#N/A
A13-47				#N/A
A13-48				#N/A
A13-49				#N/A
A13-50				#N/A

ĐIỂM KIỂM TRA CUỐI HỌC KỲ 1 - MÔN : HÓA 12

Mã số	Họ và tên HS	Mã đề	số câu đúng	ĐIỂM
A14-01	Đinh Thị Xuân An	323	28	7
A14-02	Nguyễn Thị Tuyết Anh	322	31	7.8
A14-03	Nguyễn Võ Quốc Bảo	322	29	7.3
A14-04	Trần Ngân Bảo	322	16	4
A14-05	Huỳnh Gia Bảo	322	21	5.3
A14-06	Nguyễn Lê Thành Công	323	22	5.5
A14-07	Phạm Lê Thủy Diễm	321	31	7.8
A14-08	Vũ Thị Mỹ Dung	321	30	7.5
A14-09	Nguyễn Quốc Dũng	321	35	8.8
A14-10	Đỗ Đức Đạt	321	26	6.5
A14-11	Nguyễn Gia Đình	322	28	7
A14-12	Trương Thị Hòa Hảo	324	31	7.8
A14-13	Đỗ Minh Hiền	322	26	6.5
A14-14	Trần Hoàng Quỳnh Hương	324	34	8.5
A14-15	Nguyễn Trần Nhật Huy	323	22	5.5
A14-16	Trương Quang Khải	324	28	7
A14-17	Lê Nguyễn Thiên Kim	324	26	6.5
A14-18	Võ Thị Nguyễn Mỹ Linh	324	19	4.8
A14-19	Nguyễn Phạm Tấn Lộc	321	31	7.8
A14-20	Nguyễn Phùng Xuân Mai	323	24	6
A14-21	Trương Triệu Mẫn	322	30	7.5
A14-22	Dương Hồng Minh	323	23	5.8
A14-23	Nguyễn Hồ Ly Na	321	26	6.5
A14-24	Hồ Ngọc Phương Nghi	323	29	7.3
A14-25	Phan Minh Nghĩa	321	33	8.3
A14-26	Hoàng Thị Kim Ngọc	323	31	7.8
A14-27	Đoàn Thị Hồng Ngọc	322	35	8.8
A14-28	Ngô Lê Thảo Nguyên	322	25	6.3
A14-29	Nguyễn Hữu Nhân	324	28	7
A14-30	Huỳnh Lê Nhật	323	38	9.5
A14-31	Nguyễn Tấn Nhật	323	35	8.8
A14-32	Vũ Văn Nhật	322	31	7.8
A14-33	Nguyễn Thị Nhung	322	30	7.5
A14-34	Nguyễn Tú Oanh	321	25	6.3
A14-35	Ngô Sĩ Hoàng Quý	321	26	6.5
A14-36	Nguyễn Lê Thảo Quỳnh	322	23	5.8
A14-37	Lương Thanh Sơn	324	26	6.5
A14-38	Nguyễn Bá Thiên	324	37	9.3
A14-39	Nguyễn Quốc Thịnh	322	26	6.5
A14-40	Nguyễn Thanh Thỏ	321	25	6.3
A14-41	Phan Minh Thy	324	35	8.8
A14-42	Nguyễn Thị Quỳnh Trâm	324	19	4.8
A14-43	Hà Phương Trinh	323	31	7.8
A14-44	Nguyễn Văn Anh Tú	322	29	7.3
A14-45	Lê Ngọc Tường Vy	321	29	7.3
A14-46				#N/A
A14-47				#N/A
A14-48				#N/A
A14-49				#N/A
A14-50				#N/A

ĐIỂM KIỂM TRA CUỐI HỌC KỲ 1 - MÔN : HÓA 12

Mã số	Họ và tên HS	Mã đề	số câu đúng	ĐIỂM
A15-01	Đinh Ngô Xuân An	334	32	8
A15-02	Nguyễn Thị Tú Anh	334	33	8.3
A15-03	Trương Ngọc Ánh	333	36	9
A15-04	Trần Huỳnh Bảo Bảo	332	33	8.3
A15-05	Nguyễn Phúc Bảo	331	34	8.5
A15-06	Lương Nguyễn Ngọc Diệu	333	32	8
A15-07	Lý Thái Dương	331	19	4.8
A15-08	Ma Huỳnh Khánh Hà	333	34	8.5
A15-09	Lê Thị Hải Hà	333	30	7.5
A15-10	Nguyễn Ngọc Bảo Hân	331	36	9
A15-11	Nguyễn Thị Thúy Hằng	331	34	8.5
A15-12	Nguyễn Ngọc Mỹ Khanh	332	35	8.8
A15-13	Trần Lâm Gia Khánh	332	36	9
A15-14	Nguyễn Hoàng Thiên Kim	334	36	9
A15-15	Bùi Mỹ Khánh Linh	331	32	8
A15-16	Nguyễn Ngọc Khánh Linh	331	25	6.3
A15-17	Nguyễn Thị Yến Linh	334	32	8
A15-18	Nguyễn Thị Khánh Ly	334	34	8.5
A15-19	Bạch Nhật Minh	332	36	9
A15-20	Đinh Phạm Thuỳ My	332	34	8.5
A15-21	Lý Gia Nghi	331	34	8.5
A15-22	Nguyễn Ngọc Uyên Nhi	333	21	5.3
A15-23	Lâm Uyên Nhi	333	31	7.8
A15-24	Nguyễn Thuận Như	331	34	8.5
A15-25	Bùi Nguyễn Như Quỳnh	334	32	8
A15-26	Nguyễn Thị Như Quỳnh	332	30	7.5
A15-27	Huỳnh Mai Quỳnh	332	32	8
A15-28	Nguyễn Ngọc Như Quỳnh	331	36	9
A15-29	Nguyễn Văn Tái	331	33	8.3
A15-30	Trần Thiên Thanh	332	33	8.3
A15-31	Nguyễn Phương Thảo	334	38	9.5
A15-32	Phạm Vũ Anh Thư	332	33	8.3
A15-33	Nguyễn Diệu Thư	331	34	8.5
A15-34	Nguyễn Hoàng Anh Thư	333	34	8.5
A15-35	Nguyễn Minh Thư	331	28	7
A15-36	Tất An Thuận	334	33	8.3
A15-37	Phạm Ngọc Kim Trang	334	33	8.3
A15-38	Võ Ngọc Phương Trinh	334	31	7.8
A15-39	Nguyễn Thị Thanh Trúc	333	34	8.5
A15-40	Lưu Thanh Trúc	332	23	5.8
A15-41	Nguyễn Hoàng Phương Tuấn	331	35	8.8
A15-42	Trần Phương Uyên	334	34	8.5
A15-43	Đỗ Khánh Vân	333	32	8
A15-44	Nguyễn Nhật Vy	334	34	8.5
A15-45	Nguyễn Đan Vy	332	35	8.8
A15-46				#N/A
A15-47				#N/A
A15-48				#N/A
A15-49				#N/A
A15-50		#N/A	#N/A	#N/A